

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2017/DS – ST

Ngày: 28/7/2017

V/v “Tranh chấp tiền hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Đề

2. Bà Nguyễn Thị Tố Mỹ

Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thùy Trang– Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2017/TLST- DS ngày 14-02-2017 về tranh chấp “Tranh chấp tiền hụi” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2017/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2017/QĐST –DS ngày 29/6/2017 giữa các đương sự:

+ ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thúy N, sinh năm 1986(có mặt).

Địa chỉ: Tổ 7, khu phố G, phường H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

+ ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1964(vắng mặt)

HKTT: Tổ 07 khu phố G, phường H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Chỗ ở hiện nay: Tổ 06, khu phố A, phường H,thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13-01-2017, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Do là hàng xóm láng giềng với nhau nên bà Nguyễn Thúy N có chơi 07 phần hụi của 04 dây hụi do bà Nguyễn Thị Thanh X làm chủ hụi, cụ thể như sau:

- Dây 01: Hụi khui ngày 20/8/2015 (âm lịch) đến ngày 20/9/2016 (âm lịch), số tiền đóng mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng)/phần. Dây hụi này có 14 hụi viên trong đó bà N chơi 02 phần với tên hụi viên là “ N”, hốt chót được 14.000.000đ, trừ 500.000 hoa hồng và 1.000.000đ tháng cuối cùng phần của bà N, còn lại 12.500.000đ mỗi phần.Trong hai phần này bà N đã hốt 01 phần vào

ngày 20/7/2016, còn lại 01 phần bà N để hốt chót, đã đóng đầy đủ nhưng chưa hốt.

- Dây 02: Hụi khui ngày 20/08/2015 (âm lịch) đến ngày 20/9/2016 (âm lịch), số tiền đóng mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/phần. Dây hụi này có 14 hụi viên trong đó bà N chơi 02 phần với tên hụi viên là “ N Mến”. Bà N đã đóng đầy đủ 14 tháng, hốt chót được 28.000.000 đồng, trừ 1.000.000 hoa hồng và 2.000.000 tháng cuối cùng phần của bà N, còn lại 25.000.000 đồng. Hai phần là 50.000.000đ. Bà N đã đóng đầy đủ nhưng chưa hốt.

- Dây 03: Hụi khui ngày 25/02/2016 (âm lịch) đến ngày 25/03/2017 (âm lịch), số tiền đóng mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng)/phần. Dây hụi này có 14 hụi viên trong đó bà N chơi 02 phần với tên hụi viên là “ N Mến”. Bà N đã đóng được 06 tháng 18.000.000đ. Hai phần là 36.000.000đ.

- Dây 4: Hụi khui ngày 10/3/2016 (âm lịch) đến ngày 10/4/2017 (âm lịch) số tiền đóng mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/phần. Dây hụi này có 14 hụi viên trong đó bà N chơi 01 phần với tên hụi viên là “ N Mến”. Bà N đã đóng được 05 tháng là 10.000.000đ

Cả bốn dây hụi này đều là dạng hụi có lãi, theo đó hụi viên nào trong từng tháng là người trả lãi cao nhất thì được hốt hụi trước. Tổng số tiền bà N đã đóng cho bà X trong 04 dây hụi (tính cả tiền lãi mỗi tháng) là 108.500.000đ.

Tháng 9/2016 bà N tố cáo bà X tại công an thành phố B. Ngày 05/10/2016 Công an thành phố B đã mời bà N và bà X lên làm việc. Tại buổi làm việc này bà N đồng ý giảm cho bà X 500.000đ còn lại 108.000.000đ. Bà X xác nhận còn nợ bà N tổng số tiền hụi là 108.000.000đ đồng và hứa sẽ trả hàng tháng cho bà N 10.000.000 đồng đến khi hết nợ. Tuy nhiên sau đó thì bà X chỉ trả cho bà N được 3.000.000đ thì không trả nữa. Vì thế bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thanh X hoàn trả 105.000.000 (Một trăm lẻ năm triệu đồng) tiền nợ hụi cho bà N.

Bà N và chồng bà N đều xác nhận số tiền hụi này là tiền riêng của bà N không liên quan đến chồng bà N.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/05/2017 bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh X trình bày:

Bà X chỉ xác nhận bà còn nợ tiền hụi của bà N là 75.000.000đ chứ không phải 105.000.000đ như bà N đã yêu cầu. Bà X cho rằng 105.000.000đ này do bà N tính cả tiền lãi mới thành 105.000.000đ. Bà X khai bà viết bản cam kết tại Công an lúc đó tinh thần bà không ổn định, nay bà xin trả tiền gốc cho bà N là 75.000.000đ, mỗi tháng bà sẽ trả cho bà N 500.000đ cho đến khi trả hết nợ. Bà X sẽ cung cấp cho Tòa án chứng cứ kèm theo vào ngày 15/5/2017. Tuy Nên đến ngày 15/5/2017 bà X không đến Tòa án để cung cấp tài liệu chứng cứ như lời trình bày của bà X.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

-Về tố tụng: Kiểm sát viên kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng

và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh X vắng mặt lần thứ hai Tòa án cũng đã niêm yết Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ. Vì thế Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định pháp luật.

Vụ án từ khi thụ lý cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ đúng thời hạn xét xử theo quy định.

-Về nội dung: xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

-Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp tiền nợ hui: bị đơn đang cư trú thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo khoản 3 điều 26 và điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà X đã được Tòa án triệu tập họp lệ Nều lần mà vẫn vắng mặt không rõ lý do nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà X theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015

-Về nội dung:

[1]Lời khai của đại diện nguyên đơn về quá trình tham gia chơi hui, về số tiền hui đã đóng, số tiền hui đã hót, số tiền hui chưa hót hoàn toàn phù hợp với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập được gồm: Bản phô tô 04 giấy hui. Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà N không cung cấp được bản chính giấy hui. Bà N trình bày bản chính giấy hui chỉ có mình bà X giữ, còn các hui viên chỉ giữ bản phô tô. Tuy Nền Công an thành phố B đã cung cấp cho Tòa án bản chính bản cam kết ngày 05/10/2016 lập tại Công an thành phố B.

Do vậy Hội đồng xét xử có căn cứ để kết luận: Bà Nguyễn Thúy N có tham gia chơi 07 phần hui trong 04 dây hui do bà Nguyễn Thị Thanh X làm chủ hui là có thật.

[2]Dây hui thứ nhất khai ngày 20/8/2015 (âm lịch) ngày mãn hui là ngày 20/9/2016 (âm lịch). Hui 1.000.000đ/tháng, có 14 người chơi. Bà N chơi 2 phần. Theo lời trình bày của bà N và các biên bản làm việc tại Công an thành phố B thì bà X bỏ đi từ cuối tháng 8 âm lịch, như vậy hót chót được 14.000.000đ, trừ 500.000 hoa hồng và 1.000.000đ tháng cuối cùng phần của bà N, còn lại 12.500.000đ mỗi phần là chính xác. Trong hai phần này bà N đã hót 01 phần vào ngày 20/7/2016, còn lại 01 phần bà N nhưng chưa hót.

[3]Dây hui thứ hai khai ngày 20/08/2015 (âm lịch) ngày mãn hui là ngày 20/9/2016 (âm lịch), hui 2.000.000đ mỗi tháng, có 14 người chơi, bà N chơi 02 phần. Bà X bỏ đi từ cuối tháng 8 âm lịch, như vậy hót chót được 28.000.000đ mỗi phần, trừ 1.000.000 hoa hồng và 2.000.000 tháng cuối cùng phần của bà N, còn lại 25.000.000 đồng mỗi phần là chính xác.

[4] Dây hui thứ ba khai ngày 25/02/2016 (âm lịch) ngày mãn hui là ngày 25/03/2017, hui 3.000.000đ mỗi tháng. Trong đó bà N tham gia 02 phần, bà N đã đóng được 06 tháng. Mỗi phần là 18.000.000đ.

[5] Dây hui thứ tư khai ngày 10/3/2016(âm lịch) ngày mãn hui là ngày 10/4/2017, hui 2.000.000đ mỗi tháng. Trong đó bà N tham gia 01 phần, Bà N đã đóng được 05 tháng là 10.000.000đ.

[6] Ngày 05/10/2016 tại Công an thành phố B, bà X đã viết bản cam kết với nội dung xác nhận còn nợ bà N tổng số tiền hui của 04 dây hui là 108.000.000đ và xin trả dần mỗi tháng 10.000.000đ cho đến khi hết nợ. Tuy Nền kể từ đó đến nay bà X chỉ trả cho bà N được 3.000.000đ.

[7] Kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã Nêu lần triệu tập bà X đến để làm việc, nhưng bà X đều vắng mặt không có lý do. Tòa án phải đến tận nhà bà X để lấy lời khai và vận động bà X đến Tòa án để tham gia các buổi kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải nhưng bà X vẫn không hợp tác.

Tòa án đã niêm yết Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 55/2017/QĐ – CCTLCC ngày 15/5/2017 cho bà X. Đến ngày 02/6/2017 bà X vẫn không đến Tòa án để giao nộp tài liệu, chứng cứ. Tòa án tiếp tục niêm yết thông báo nhắc nhở ngày 02/6/2017 để yêu cầu bà X đến Tòa án giao nộp tài liệu, chứng cứ. Tuy nhiên đến ngày 21/6/2017 bà X vẫn cố tình vắng mặt. Tòa án cũng đã có Quyết định đối chất số 06/2017/QĐ-ĐC ngày 02/6/2017 yêu cầu bà X đến Tòa án để đối chất với bị đơn về số tiền nợ hui, bà X cũng không đến để đối chất.

Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn, Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt, cũng như niêm yết giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận tài liệu, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà X đều vắng mặt không có lý do.

[8] Cả nguyên đơn và bị đơn đều không cung cấp được tài liệu chứng cứ về số tiền thực tế mỗi tháng nguyên đơn đã đóng cho bị đơn. Tài liệu chứng cứ duy nhất là bản chính bản cam kết mà bà X đã viết ngày 05/10/2016 xác nhận bà X còn nợ bà N số tiền hui là 108.000.000đ. Bà X đã trả được 3.000.000đ còn lại 105.000.000đ. Mặc dù bà X chỉ thừa nhận số tiền nợ là 75.000.000đ không phải 105.000.000đ như yêu cầu của bà N. Tuy nhiên bà X đã không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì. Bà X cũng không đến Tòa án để đối chất với bị đơn, bà X cố tình vắng mặt mỗi khi Tòa án triệu tập bà X lên làm việc. Điều này chứng tỏ bà X không có thiện chí hòa giải và bà X đã tự từ bỏ các quyền của mình được hưởng tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- **Về án phí:** Bà Nguyễn Thị Thanh X phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền nợ hui phải thanh toán theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 điều 26 và điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 401, 402, 479 Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Nghị Định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006

- Điều 5, điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thúy N.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh X phải thanh toán cho bà Nguyễn Thúy N số tiền nợ hui 105.000.000(Một trăm lẻ năm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chưa thi hành án và thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh X phải nộp 5.250.000đ (Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thúy N số tiền 2.669.000đ (Hai triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003267 ngày 14/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THA DS thành phố B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Thị Hiền

